

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 58/2021/DS-ST

Ngày: 29/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín  
dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Đăng Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Phát

Bà Phan Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 454/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Khánh D. Địa chỉ: Đường N, Phường H, Quận N, Thành phố H. Giấy ủy quyền số 161/2020/UQ-PGDNVC ngày 09/9/2020

(Có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1983

Thường trú: Đường P, Phường N, Quận P, Thành phố H

(Vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/6/2020 và các lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Khánh D trình bày:*

Ngày 09/12/2014, ông Nguyễn Hoàng P ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng theo mẫu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng). Theo đó ngày 19/12/2014, Ngân hàng chấp nhận phát hành 02 thẻ tín dụng có chung hạn mức 70.000.000 đồng, số thẻ Visa Credit Gold 472075-6674 và số thẻ Family Local Credit New 970403-3412.

Sau khi được cấp hai thẻ tín dụng nêu trên, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 515.028.801 đồng, trong đó thẻ tín dụng số 472075-6674 là 294.028.801 đồng và thẻ tín dụng số 970403-3412 là 221.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 534.730.630 đồng, trong đó thẻ tín dụng số 472075-6674 là 299.333.707 đồng và số 970403-3412 là 235.396.923 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày 05/02/2019 ông P thanh toán lần cuối cùng và sau đó không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào theo thỏa thuận. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền 91.651.455 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng) trong đó thẻ tín dụng Visa Credit Gold số 472075-6674 là 84.534.466 đồng gồm nợ gốc là 49.294.786 đồng, nợ lãi quá hạn là 35.239.680 đồng và thẻ tín dụng Family Local Credit New số 970403-3412 là 7.116.989 đồng gồm nợ gốc là 4.055.313 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.061.676 đồng tạm tính đến ngày 29/01/2021. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/12/2014. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán của ông Nguyễn Hoàng P, có cơ sở xác định ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện ông P đối với việc sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng thì đây là quan hệ hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 05, quận Phú Nhuận, ông Nguyễn Hoàng P có đăng ký hộ khẩu tại Đường P, Phường N, Quận P, Thành phố H. Nhưng thực tế ông P không cư ngụ tại địa phương, hiện ông P tạm vắng về địa chỉ Đường B, Phường H, quận B, Thành phố H. Tuy nhiên Công an Phường H, quận B xác minh không có người nào tên Nguyễn Hoàng P cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập ông P để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 11/01/2021 và phiên tòa hôm nay nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, ông P không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ông P đã ký ngày 09/12/2014, nội dung đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và Ngân hàng phê duyệt hạn mức 70.000.000 đồng. Ông P cũng xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc

nghĩa vụ bởi bản Điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là Đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi là bản Điều khoản). Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ nêu trên phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 05/02/2019 ông P thanh toán lần cuối cùng và sau đó không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo Điều 2, Điều 8 và Điều 23 của bản Điều khoản, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với thẻ tín dụng số 472075-6674 là 49.294.786 đồng ngày 05/4/2019 và thẻ tín dụng số 970403-3412 là 4.055.313 đồng ngày 05/6/2019.

Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng, lãi suất thẻ tín dụng quốc tế là 2,15%/tháng và Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 của Ngân hàng, lãi suất thẻ Family là 2,5%/tháng. Cho đến nay Ngân hàng không có thay đổi mức lãi suất này. Tại Điều 23 bản Điều khoản áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất thẻ. Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước, lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu của Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền 91.651.455 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng) trong đó thẻ tín dụng Visa Credit Gold số 472075-6674 là 84.534.466 đồng gồm nợ gốc là 49.294.786 đồng, nợ lãi quá hạn là 35.239.680 đồng và thẻ tín dụng Family Local Credit New số 970403-3412 là 7.116.989 đồng gồm nợ gốc là 4.055.313 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.061.676 đồng tạm tính đến ngày 29/01/2021. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/12/2014. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 13, Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khi ông P không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng hai thẻ tín dụng nêu trên, chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.582.573 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.889.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019031 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 11, khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 và khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Ông Nguyễn Hoàng P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 91.651.455 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng) trong đó thẻ tín dụng Visa Credit Gold số 472075-6674 là 84.534.466 đồng gồm nợ gốc là 49.294.786 đồng, nợ lãi quá hạn là 35.239.680 đồng và thẻ tín dụng Family Local Credit New số 970403-3412 là 7.116.989 đồng gồm nợ gốc là 4.055.313 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.061.676 đồng tạm tính đến ngày 29/01/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hoàng P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/12/2014.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.582.573 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.889.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019031 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hoàng P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Đăng Hà**